

Số: 76/QĐ-TTĐVTH

Dân Tiến, ngày 08 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công khai Quyết toán thu-chi
ngân sách nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ DÂN TIẾN

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026. Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Báo cáo số 50/BC-TTĐVTH ngày 28/4/2026 Báo cáo công khai thuyết minh Quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến;

Theo đề nghị của phụ trách Kế toán Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu kinh phí công khai thuyết minh Quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến (theo mẫu biểu số 76 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó giám đốc, phụ trách Kế toán, các bộ phận Chuyên môn của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Website;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Trần Lê Dũng

Số: 37/BC-TTĐVTH

Dân Tiến, ngày 08 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO
Công khai thuyết minh Quyết toán thu-chi
ngân sách nhà nước năm 2025

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/ 3/ 2026. Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc nhà nước năm 2025 của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến;

Căn cứ Báo cáo quyết toán năm 2025 của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến;

Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến Báo cáo công khai thuyết minh Quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 như sau:

I. Thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí

1. Lệ phí: Không có

2. Phí: Không có

II. Chi ngân sách nhà nước

1. Số liệu quyết toán năm 2025

Tổng số liệu báo cáo quyết toán: 18.285.917.562 đồng

Tổng số liệu quyết toán được duyệt: 18.285.917.562 đồng

Trong đó:

- Chi hoạt động kinh tế: 61.886.000 đồng

- Chi sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn vốn khác:
18.224.031.562 đồng.

2. Tình hình thực hiện năm 2025

3. Kết quả đạt được

Ưu điểm: Công tác quản lý tài chính các khoản thu, chi tiết kiệm, hiệu quả không vượt mức quy định, được phản ánh ghi chép trong sổ sách kế toán

đầy đủ theo quy định, công khai minh bạch, công tác chi trả, thanh toán được thực hiện kịp thời, không để xảy ra sai sót, tồn đọng.

Hạn chế: Giải ngân các dự án còn gặp nhiều khó khăn do một số dự án hồ sơ thanh toán nhà thầu chưa cung cấp đầy đủ, số liệu chưa chính xác phải làm lại.

- Đơn vị chưa có biên chế chính thức để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn

3. Công khai số liệu

Báo cáo đính kèm biểu số liệu chi tiết (Mẫu biểu số 76: Quyết toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2025)

- Hình thức công khai:

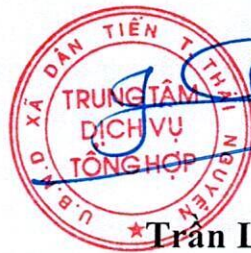
- + Niêm yết tại bảng tin của cơ quan
- + Công khai trên trang thông tin điện tử của xã Dân Tiến.
- + Công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng
- + Công khai tại cuộc họp đơn vị

Trên đây là Báo cáo công khai thuyết minh Quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến.

Nơi nhận:

- Phòng KT xã;
- Website;
- Lưu: VT, KT.

GIÁM ĐỐC



Trần Lê Dũng

Đơn vị: Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến
Chương: 821

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 76/QĐ-TTĐVTH ngày 08/5/2026 của Trung tâm DVTH xã Dân Tiến)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	18.285.917.562	18.285.917.562	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	18.285.917.562	18.285.917.562	0	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế	61.886.000	61.886.000	0	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	61.886.000	61.886.000	0	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
11	Chi vốn sự nghiệp Chương trình MTQG và các nguồn khác	18.224.031.562	18.224.031.562	0	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	18.224.031.562	18.224.031.562	0	
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				

